

BÀI VIẾT SỐ 4

(Kiểm tra tổng hợp cuối Học kì I)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững các nội dung cơ bản của cả ba phần Văn học, Tiếng Việt, Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn 10 Nâng cao, tập một.*
- *Biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học một cách tổng hợp, toàn diện để làm bài kiểm tra theo nội dung và cách thức đánh giá mới.*

YÊU CẦU CHUNG

1. Để chuẩn bị cho *Bài viết số 4* (Kiểm tra tổng hợp cuối Học kì I), cần chú ý nắm được một số yêu cầu sau đây :

a) Văn bản – tác phẩm ấy là của tác giả nào, viết về cái gì (về ai) và có những nhân vật nào ? Nội dung chính của văn bản là nội dung nào (nhằm ca ngợi hay phê phán điều gì) ?, v.v.

b) Trong văn bản đó, tác giả dùng phương thức biểu đạt gì là chính ? Các yếu tố nghệ thuật nổi bật nào đã giúp tác giả thể hiện thành công nội dung tư tưởng của văn bản ? (Kết hợp vận dụng các kiến thức tiếng Việt như : từ loại, câu, các biện pháp tu từ, dấu câu,... để nhận diện và phân tích vai trò, tác dụng của các yếu tố đó trong những tác phẩm đã được học ở phần Đọc văn).

c) Để hiểu văn bản văn học thì phải chú ý những kiến thức và kỹ năng gì (kiến thức văn học sử, lí luận văn học, tác phẩm,... ; kỹ năng đọc - hiểu một văn bản văn học ; v.v.) ?

d) Tìm những câu, những đoạn văn, thơ hay ở các văn bản trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một (kể cả các văn bản phụ, văn bản đọc thêm của phần Tiếng Việt, Làm văn) để chép lại, học thuộc và tập nhận diện, phân tích tác dụng của các yếu tố nghệ thuật ngôn từ trong việc làm sáng tỏ nội dung đoạn trích.

2. Khi ôn tập các nội dung phần Tiếng Việt, không nên chỉ học lí thuyết mà cần tập trung nhiều vào thực hành (thực hành nhận diện các đơn vị tiếng Việt, thực hành phân tích vai trò, tác dụng của các đơn vị tiếng Việt và thực hành vận dụng các đơn vị này vào việc đọc văn, làm văn gắn với các tình huống giao tiếp, các văn cảnh – văn bản cụ thể,...). Thực hành để vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo các kiến thức và kỹ năng tiếng Việt vào nói và viết ; tránh sử dụng một cách cứng nhắc, mòn sáo và gượng ép.

3. Các nội dung phần Làm văn được biên soạn theo tinh thần tích hợp với phần Đọc văn, góp phần soi sáng thêm cho tiết đọc văn bản. Tuy nhiên, mục đích và nhiệm vụ chính mà phần Làm văn hướng tới là giúp học sinh biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học về các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt vào việc tạo lập văn bản. Nghĩa là, cuối cùng phải biết vận dụng những kiến thức đã học để viết được một số kiểu văn bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống. Muốn thế phải thông qua thực hành, từ thực hành để tiếp tục bổ sung, nâng cao hiểu biết về các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt. Thông qua thực hành mà rèn luyện kỹ năng lập ý cho bài văn.

4. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá, bài kiểm tra thường áp dụng hình thức thi *trắc nghiệm* kết hợp với *tự luận*. Phần *trắc nghiệm* (thường chiếm 30 - 40% số điểm) kiểm tra một cách tổng hợp và khá toàn diện các kiến thức đã học (Văn, Tiếng Việt và Làm văn). Phần *tự luận* (số điểm còn lại) tập trung kiểm tra khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học và kỹ năng viết văn, dùng từ, đặt câu,...

Học sinh có thể *tham khảo* bài kiểm tra tổng hợp sau đây :

ĐỀ LUYỆN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Thời gian làm bài : 90 phút (*không kể thời gian giao đề*)

Đề bài (gồm hai phần)

Phần I : Trắc nghiệm (16 câu, mỗi câu đúng được 0,25 điểm, tổng số 4 điểm)

• Đọc kĩ câu hỏi và trả lời bằng cách khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng.

- Sử thi anh hùng khác sử thi thần thoại ở điểm cơ bản nào ?
 - Quy mô tác phẩm
 - Đề tài
 - Tác giả
 - Phương thức biểu đạt
- Dòng nào nêu đúng tên hai nhân vật chính của đoạn trích *Uy-lít-xơ trở về* ?
 - Tê-lê-mác và Pê-nê-lốp
 - Pê-nê-lốp và Ó-ri-clê
 - Uy-lít-xơ và Tê-lê-mác
 - Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp
- Chi tiết nào trong các chi tiết sau thuộc văn bản *Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* ?
 - Rùa Vàng nổi lên mặt nước đòi lại gương
 - Rùa Vàng tháo vuốt trao cho nhà vua
 - Con voi của nhà vua đi đến chỗ lội cứ gắm lên không chịu đi
 - Nhà vua rất lo bèn sai sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giỏi
- Vì sao *Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* được coi là truyền thuyết ?
 - Vì đó là câu chuyện truyền miệng từ đời này qua đời khác và có nhiều yếu tố tưởng tượng, kì ảo
 - Vì đó là câu chuyện dân gian kể về người anh hùng thời xưa và có nhiều yếu tố tưởng tượng, kì ảo
 - Vì đó là câu chuyện liên quan đến các nhân vật trong lịch sử dân tộc, những người đã có công dựng nước và giữ nước
 - Vì đó là câu chuyện dân gian, có nhiều yếu tố tưởng tượng, kì ảo và liên quan đến sự thật lịch sử

5. Trong các truyện cổ tích có nội dung đấu tranh, nội dung nào sau đây là chủ yếu ?
- Đấu tranh chinh phục thiên nhiên
 - Đấu tranh chống xâm lược
 - Đấu tranh xã hội
 - Đấu tranh bảo tồn văn hoá
6. Mục đích chính của truyện cười là gì ?
- Đưa ra bài học kinh nghiệm
 - Tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán thói hư tật xấu
 - Khuyến nhủ, răn dạy con người
 - Nói ngụ ý, bóng gió để châm biếm
7. Câu "Chuồn chuồn bay thấp thì mưa - Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm" thuộc loại nào sau đây ?
- Thành ngữ
 - Hát ru
 - Ca dao
 - Tục ngữ
8. Trong các tác phẩm sau, tác phẩm nào *không* thuộc văn học Việt Nam thế kỉ X - XVII ?
- Cánh ngày hè*
 - Tổ lòng*
 - Cảm xúc mùa thu*
 - Cáo bệnh, bảo mọi người*
9. Văn bản nói khác văn bản viết ở điểm nào ?
- Thường dùng các biện pháp tu từ
 - Thường dùng để trao đổi thông tin
 - Thường dùng cách diễn đạt có hình ảnh
 - Thường dùng kèm theo các phương tiện phi ngôn ngữ
10. Chữ *vương* trong câu thơ "Công danh nam tử còn vương nợ" có nghĩa là gì ?
- Vua
 - Mắc vào, dính vào
 - Rơi vãi ra
 - Cả ba nghĩa trên đều không đúng
11. Chữ *ử* trong câu thơ "Công danh nam tử còn vương nợ" có nghĩa là gì ?
- Chết
 - Con
 - Một tước hiệu thời phong kiến
 - Thân nam nhi

12. Từ nào dùng sai trong câu văn "*Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* là một câu chuyện trữ tình đầy màu sắc bi thảm" ?

- A. câu chuyện
- B. trữ tình
- C. màu sắc
- D. bi thảm

13. Điển từ nào cho đúng vào chỗ trống trong câu văn "*Bài thơ Tổ lòng* của Phạm Ngũ Lão là một... hùng hồn về hào khí Đông A" ?

- A. hình ảnh
- B. bằng chứng
- C. khí thế
- D. thiên sử

14. Nội dung nào sau đây nêu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu ca dao "*Thân em như giếng giữa làng - Người khôn rửa mặt người phàm rửa chân*" ?

- A. Làm nổi bật thân phận cô đơn, tủi nhục của người phụ nữ
- B. Làm nổi bật thân phận khốn khổ, tủi nhục của người phụ nữ
- C. Làm nổi bật thân phận thấp hèn, phụ thuộc của người phụ nữ
- D. Làm nổi bật thân phận bơ vơ, khổ sở của người phụ nữ

15. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi :

"Dị hiện thay mặt đất khi nó hiện lên trước mắt những người đi biển bị Pô-dê-i-đông đánh tan thuyền trong sóng cả gió to, họ bơi nhưng rất ít người thoát khỏi biển khơi trắng xoá mà vào được đến bờ ; mình đây bot nước, những người sống sót mừng rỡ bước lên đất liền mong đợi ; Pê-nê-lốp cũng vậy, được gặp lại chồng, nàng sung sướng xiết bao,..."

Đoạn văn trên đây, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính ?

- A. Miêu tả
- B. Biểu cảm
- C. Tự sự
- D. Thuyết minh

16. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi :

"*Nỗi oán của người phòng khuê* là bài thơ của một nhà thơ Trung Quốc. Qua bài thơ này, nhà thơ đã tập trung miêu tả nỗi buồn của người phụ nữ có chồng ra trận. Nhà thơ còn thay mặt họ nói lên ước mơ một cuộc sống gia đình yên ấm. Đó cũng chính là tình cảm nhân đạo của nhà thơ".

Đoạn văn trên mắc phải lỗi nào ?

- A. Chấm câu sai
- B. Dùng từ sai
- C. Dùng từ lặp
- D. Sai chính tả

Phần II : Tự luận (6 điểm)

Chọn một trong hai đề sau :

Đề 1. Hãy kể lại một truyện cười đã đọc ngoài sách giáo khoa mà anh (chị) cho là có ý nghĩa phê phán sâu sắc.

Đề 2. Kể lại một câu chuyện xảy ra trong lớp học hoặc trong đời sống khiến anh (chị) băn khoăn, trăn trở nhiều về đạo đức và lối sống hiện nay.